

**ĐẶC TẢ USE CASE**

* Đăng nhập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC01 | |
| **Use Case Name** | Đăng nhập | |
| **Triggering Event** | Truy cập vào hệ thống khi đã đăng ký tài khoản thành công hoặc có tài khoản trong hệ thống cơ sở dữ liệu. | |
| **Brief Descriptions** | Tác nhân đăng nhập vào hệ thống để có thể sử dụng được các chức năng của hệ thống. | |
| **Actors** | Lễ tân, quản lý, kế toán, khách hàng (gọi chung là người dùng website). | |
| **Preconditions** | Người dùng có tài khoản trên hệ thống và truy câp theo quyền được cấp theo vai trò của tài khoản. | |
| **Postconditions** | Đăng nhập thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Người dùng nhấn chọn mục đăng nhập trên hệ thống. | * 1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập để người dùng điền thông tin username (số điện thoại hoặc email) và password |
|  | 1. Người dùng điền thông tin tài khoản của mình username (số điện thoại hoặc email) và password. |  |
|  | 1. Người dùng chọn nút “Đăng nhập”. | * 1. Hệ thống kiểm tra thông tin, ghi nhận hoạt động   2. Cho phép truy cập hệ thống. |
| **Alternatives** | * Người dùng nhập sai username hoặc password => hệ thống không cho truy cập và báo lỗi. * Người dùng hủy ý định đăng nhập, tắt giao diện đăng nhập. | |

* Đăng xuất

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC02 | |
| **Use Case Name** | Đăng xuất | |
| **Triggering Event** | Khi muốn đăng xuất khỏi hệ thống. | |
| **Dditions** | Đăng xuất tài khoản ra khỏi hệ thống, mất quyền chức năng sử dụng hệ thống. | |
| **Actors** | Lễ tân, quản lý, kế toán, khách hàng (gọi chung là người dùng website). | |
| **Preconditions** | Người dùng đã và đang truy cập hệ thống. | |
| **Postconditions** | Đăng xuất thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Người dùng nhấn chọn mục “đăng xuất”. | * 1. Hệ thống thoát khỏi tài khoản người dùng. |
| **Alternatives** | Không. | |

* Đổi mật khẩu

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC03 | |
| **Use Case Name** | Đổi mật khẩu | |
| **Triggering Event** | Khi người dùng đã đăng nhập vào hệ thống và muốn thay đổi mật khẩu. | |
| **Brief Descriptions** | Người dùng khi quên mật khẩu hoặc muốn thay đổi mật khẩu mới. | |
| **Actors** | Lễ tân, quản lý, kế toán, khách hàng (gọi chung là người dùng website). | |
| **Preconditions** | Người dùng đã có tài khoản truy cập hệ thống trước đó. | |
| **Postconditions** | Thay đổi mật khẩu thành công. | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Người dùng chọn mục “Thay đổi mật khẩu” hoặc “Quên mật khẩu”. | * 1. Hệ thống hiển thị thị form thay đổi mật khẩu hoặc form lấy lại mật khẩu. |
|  | 1. Người dùng điền thông tin. |  |
|  | 1. Người dùng chọn “Xác nhận”. | * 1. Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản.      1. Nếu thay đổi mật khẩu khi đăng nhập thì xác nhận mật khẩu cũ.      2. Nếu quên mật khẩu cần xác minh người dùng bằng mã qua số điện thoại hoặc email.   2. Hệ thống cập nhật mật khẩu thành công. |
| **Alternatives** | * Mật khẩu mới trùng mật khẩu cũ. * Mật khẩu không đạt yêu cầu tiêu chuẩn. * Nhập mật khẩu cũ không chính xác. * Mật khẩu mới và phần nhập lại mật khẩu mới không trùng nhau. * Mã xác minh email, số điện thoại không chính xác. | |

* Thống kê voucher

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC04 | |
| **Use Case Name** | Thống kê voucher | |
| **Triggering Event** | Kế toán thống kê voucher mỗi ngày,tuần, tháng,… | |
| **Brief Descriptions** | + Thống kê từng voucher | |
| **Actors** | Kế toán | |
| **Preconditions** | + Kế toán truy cập được vào hệ thống  + Kế toán đã đăng nhập thành công vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Kế toán lập báo cáo thống kê voucher thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Kế toán chọn mục “Thống kê” | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê khách hàng |
|  | 2 Kế toán chọn “Thống kê voucher” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thống kê và thống kê thông tin về từng voucher.  2.2 Giao diện có chức năng thống kê các loại voucher. |
|  | 3. Kế toán chọn hình thức thống kê | 3.1 Hệ thống xuất ra kết quả theo yêu cầu thống kê  3.2 Hệ thống hiện hộp thoại đề xuất in bảng thống kê |
|  | 4. Kế toán chọn in bảng thống kê. | 4.1 Hệ thống tiến hành in bảng thống kê và lưu thông tin vào hệ thống. |
| **Alternatives** | Kế toán không muốn in bảng thống kê => Hệ thống trả về giao diện thống kê | |

* Thống kê khách hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC05 | |
| **Use Case Name** | Thống kê khách hàng | |
| **Triggering Event** | Kế toán thống kê từng nhóm khách hàng, số khách hàng vào ra mỗi ngày,tuần, tháng,… | |
| **Brief Descriptions** | + Thống kê từng nhóm khách hàng: khách hàng mới, khách thường, khách vip  + Số lượng khách đến, cũng như số lượng khách đặt trước các dịch vụ của khách sạn. | |
| **Actors** | Kế toán | |
| **Preconditions** | + Kế toán truy cập được vào hệ thống  + Kế toán đã đăng nhập thành công vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Kế toán lập báo cáo thống kê khách hàng thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Kế toán chọn mục “Thống kê” | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê khách hàng |
|  | 2 Kế toán chọn “Thống kê khách hàng” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thống kê và thống kê thông tin về từng nhóm khách hàng.  2.2 Giao diện có chức năng thống kê tần suất sử dụng dịch vụ của mỗi khách hàng |
|  | 3. Kế toán chọn hình thức thống kê | 3.1 Hệ thống xuất ra kết quả theo yêu cầu thống kê  3.2 Hệ thống hiện hộp thoại đề xuất in bảng thống kê |
|  | 4. Kế toán chọn in bảng thống kê. | 4.1 Hệ thống tiến hành in bảng thống kê và lưu thông tin vào hệ thống. |
| **Alternatives** | Kế toán không muốn in bảng thống kê => Hệ thống trả về giao diện thống kê | |

* Thống kê dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC06 | |
| **Use Case Name** | Thống kê dịch vụ | |
| **Triggering Event** | Kế toán lập báo cáo thống kê dịch vụ của khách sạn | |
| **Brief Descriptions** | Thống kê các loại hình dịch vụ của khách sạn được sử dụng mỗi ngày, tháng, quý, năm,… | |
| **Actors** | Kế toán | |
| **Preconditions** | + Kế toán truy cập được vào hệ thống  + Kế toán đã đăng nhập thành công vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Kế toán lập báo cáo thống kê thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Kế toán chọn mục “Thống kê” | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê doanh thu |
|  | 2 Kế toán chọn “Lập báo cáo thống kê” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thống kê và thống kê thông tin về tình hình thuê phòng (thống kê theo ngày, tháng, quý, năm, …)  2.2 Hệ thống hiển thị giao diện thống kê các loại hình dịch vụ của khách sạn được khách hàng sử dụng, hiển thị danh sách những dịch vụ nào được sử dụng nhiều nhất, ít nhất để từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ. |
|  | 3. Kế toán chọn hình thức thống kê | 3.1 Hệ thống xuất ra kết quả theo yêu cầu thống kê  3.2 Hệ thống hiện hộp thoại đề xuất in bảng thống kê |
|  | 4. Kế toán chọn in bảng thống kê. | 4.1 Hệ thống tiến hành in bảng thống kê và lưu thông tin vào hệ thống. |
| **Alternatives** | Kế toán không muốn in bảng thống kê => Hệ thống trả về giao diện thống kê | |

* Thống kê thu chi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC07 | |
| **Use Case Name** | Lập báo cáo thống kê thu và chi. | |
| **Triggering Event** | Kế toán lập báo cáo thống kê doanh thu, chi hàng ngày/tháng/quý/năm, cũng như chi trả lương nhân viên hằng tháng. | |
| **Brief Descriptions** | Thống kê về khoản tài chính của khách sạn. | |
| **Actors** | Kế toán | |
| **Preconditions** | Sử dụng tài khoản, các quyền truy cập dành riêng cho kế toán. Chọn mục “Lập báo cáo thống kê” | |
| **Postconditions** | + Kế toán truy cập được vào hệ thống  + Kế toán đã đăng nhập thành công vào hệ thống | |
| **Flow of activites** | Kế toán lập báo cáo thống kê thành công | |
|  | Actor | System |
|  | 1. Kế toán chọn mục “Thống kê” | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thống kê doanh thu |
|  | 2 Kế toán chọn “Lập báo cáo thống kê” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thống kê và thống kê thông tin về tình hình thuê phòng (thống kê theo ngày, tháng, quý, năm, …) |
|  | 3. Kế toán chọn hình thức thống kê | 3.1 Hệ thống hiện lên lựa chọn thống kê thu hoặc thống kê chi  3.2 Hệ thống hiện đầy đủ thông tin chi tiết. Và các chức năng như: sắp xếp, tìm kiếm, in thống kê,…  3.4 Hệ thống tính toán và trả về kết quả dựa vào yêu cầu của kế toán  3.5 Hệ thống hiện hộp thoại đề xuất in bảng thống kê. |
|  | 4. Kế toán chọn in bảng thống kê. | 4.1 Hệ thống tiến hành in bảng thống kê và lưu thông tin vào hệ thống. |
| **Alternatives** | Kế toán không muốn in bảng thống kê => Hệ thống trả về giao diện ban đầu. | |

* Đăng kí tài khoản

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC08 | |
| **Use Case Name** | Đăng ký tài khoản | |
| **Triggering Event** | Khi muốn đăng nhập trên website thì cần có tài khoản | |
| **Brief Descriptions** | Người dùng đăng ký tài khoản trên hệ thống | |
| **Actors** | Khách hàng | |
| **Preconditions** | Không | |
| **Postconditions** | Tác nhân đăng ký tài khoản thành công và truy cập được vào website | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Chọn đăng ký tài khoản | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện đăng ký tài khoản |
|  | 2. Điền đầy đủ thông tin vào form đăng ký bao gồm: username, password, số điện thoại, email, địa chỉ |  |
|  | 3. Nhấn nút đăng ký | 3.1 Hệ thống kiểm tra thông tin  3.1.a Nếu tác nhân nhập sai hoặc thiếu thông tin, hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại  3.1.b Nếu username mà tác nhân nhập đã tồn tại thì thông báo nhập lại  3.1.c Nếu email mà tác nhân nhập đã bị trùng thì thông báo nhập lại  3.1.d Nếu số điện thoại mà tác nhân nhập đã bị trùng thì thông báo nhập lại  3.1.e Nếu tác nhân nhập đúng và đầy đủ, hệ thống thông báo tạo tài khoản mới thành công |
| **Alternatives** | Tài khoản đã tồn tại | |

* Cung cấp thông tin cá nhân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC09 | |
| **Use Case Name** | Cung cấp thông tin cá nhân | |
| **Brief Description** | Khách hàng thực hiện “Cung cấp thông tin cá nhân”. | |
|  | Khách hàng đại diện cung cấp thông tin thuê phòng gồm: số ngày thuê, số khách hàng, CMND. | |
| **Actors** | Khách hàng | |
| **Triggering Event** | Khi khách đại diện hàng chọn vào mục “Cung cấp thông tin cá nhân”. | |
| **Preconditions** | + Khách hàng truy cập được vào hệ thống.  + Khách hàng đã đăng nhập.  + Khách hàng thực hiện thuê phòng. | |
| **Postconditions** | Thông tin thuê phòng được lưu vào cơ sở dữ liệu. | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Khách hàng truy cập hệ thống và chọn mục “Cung cấp thông tin cá nhân” trong giao diện thuê phòng. | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện nhập thông tin thuê phòng. |
|  | 2. Khách hàng nhập đầy đủ thông tin vào form rồi nhấn nút “Xác nhận”. | 2.1 Hệ thống kiểm tra thông tin có trống phần nào hay không, thông tin có hợp lệ hay không.  2.2 Hệ thống hiển thị thông tin thuê phòng lần nữa và thông báo xác nhận hợp lệ.  2.3 Hệ thống tiến hành lưu vào cơ sở dữ liệu.  2.4. Hệ thống thông báo việc lưu thông tin thành công. |
| **Alternatives** | Thông báo cung cấp thông tin thuê phòng thất bại do có trường thông tin bị trống, mã số CMND không hợp lệ hay số người quá lớn => Yêu cầu nhập lại. | |

* Booking phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC10 | |
| **Use Case Name** | Đặt phòng online | |
| **Triggering Event** | Khách hàng muốn đặt phòng online. | |
| **Brief Description** | Khách hàng sử dụng hệ thống của khách sạn để đăng ký đặt phòng | |
| **Actors** | Khách hàng | |
| **Preconditions** | + Đã có đăng ký tài khoản  + Đăng nhập thành công  + Cung cấp đủ thông tin thuê phòng  + Hoàn tất thanh toán đặt cọc | |
| **Postconditions** | Hệ thống xuất dữ liệu thông tin đặt phòng nếu khách hàng đặt phòng thành công và gửi email/sms xác nhận | |
| **Flow of activities** | Actor | System |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống và chọn thuê phòng | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện các thông tin về phòng của khách sạn cho khách hàng lựa chọn |
| 2. Khách hàng nhập đầy đủ thông tin vào form rồi nhấn nút “Xác nhận”. | 2.1 Hệ thống kiểm tra thông tin mà khách hàng nhập, xuất thông báo khi khác hành nhập thông tin sai hoặc thiếu  2.2 Hệ thống hiện thông tin phòng cho khách hàng chọn lựa  2.3 Hiện thông tin lại lần nữa cho khách hàng xác nhận hoặc chỉnh sửa |
|  | 1. Khách hàng xác nhận thanh toán đặt cọc | 3.1 Nếu xác nhận sẽ hiện yêu cầu đặt cọc  3.2 Xác nhận đặt cọc thành công  3.3 Hệ thống tiến hành lưu vào cơ sở dữ liệu.  3.4 Hệ thống thông báo việc lưu thông tin thành công. Và gửi email/sms xác nhận |
| **Alternatives** | Đăng nhập thất bại => bắt buộc đăng nhập lại  Số lượng phòng hết, không đủ sức chưa,… => lựa chọn lại yêu cầu  Tài khoản không đủ tiền để đặt cọc => Báo lỗi | |

* Đặt phòng trực tiếp

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC10 | |
| **Use Case Name** | Đặt phòng trực tiếp | |
| **Triggering Event** | Khách hàng đặt phòng trực tiếp | |
| **Brief Description** | Khi khách hàng đặt phòng tại quầy thì thêm thông tin khách hàng và thông tin phòng | |
| **Actors** | Lễ tân, quản lý | |
| **Preconditions** | + Tác nhân truy cập vào được website  + Tác nhân đã đăng nhập vào hệ thống  + Khách hàng đặt phòng tại quầy lễ tân | |
| **Postconditions** | Danh sách phòng và khách hàng được thêm thông tin | |
| **Flow of activites** | Actor | System |
| 1. Tác nhân chọn mục “Quản lý khách hàng” | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng |
| 2. Tác nhân chọn mục “Thêm khách hàng” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thêm khách hàng |
| 3. Tác nhân nhập các thông tin của khách hàng cần thêm vào giao diện |  |
| 4. Tác nhân nhấn nút “Thêm” | 4.a Thông tin sai  4.a.1 Hủy thao tác  4.b Thông tin đúng  4.b.1 Hệ thống yêu cầu thông tin khách hàng cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  4.b.2. Dữ liệu một khách hàng  được thêm vào hệ thống.  4.b.3 Trả kết quả  4.b.4 Hiển thị thêm thành công |
| **Alternatives** | Tác nhân nhập sai hoặc thiếu thông tin khách hàng => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. | |

* Thanh toán

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC13 | |
| **Use Case Name** | Thanh toán | |
| **Triggering Event** | Khi khách đại diện hàng hoặc lễ tân chọn vào mục “Thanh toán”. | |
| **Brief Description** | Khách hàng nhận phòng, trả phòng, đến quầy lễ tân để thanh toán hoặc thanh toán online khi book phòng | |
| **Actors** | Khách hàng, lễ tân | |
| **Preconditions** | + Khách hàng, lễ tân đăng nhập hệ thống thành công | |
| **Postconditions** | Thanh toán thành công. | |
| **Flow of activities** | Actor | System |
| 1. Lễ tân hoặc khách hàng chọn mục “Thanh toán” trên hệ thống. | 1.1. Hệ thống hiển thị form thanh toán và yêu cầu nhập đầy đủ. |
| 2. Lễ tân, khách hàng nhập đầy đủ thông tin và nhấn “Xác nhận”. | 2.1 Hiển thị thông tin khách hàng, các loại dịch vụ khách hàng sử dụng,…Hiển thị tổng cộng số tiền khách hàng phải thanh toán  2.2 Kiểm tra thông tin, nếu hợp lệ thì tiến hành xuất hóa đơn thanh toán, nếu không hợp lệ thì chỉnh sửa. |
| 3. Khách hàng chọn phương thức thanh toán và nhấn “Thanh toán”. | 3.1 Hệ thống lưu lại thông tin và hiện thông báo thanh toán thành công |
| **Alternatives** | Thông tin khách hàng bị sai sót, hệ thống không tìm thấy dữ liệu.  Dữ liệu thanh toán sai sót. | |

* Lập hóa đơn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC14 | |
| **Use Case Name** | Lập hóa đơn | |
| **Triggering Event** | Lễ tân lập hóa đơn | |
| **Brief Descriptions** | Lễ tân thêm hóa đơn mới khi khách hàng thực hiện thanh toán | |
| **Actors** | Lễ tân | |
| **Preconditions** | + Lễ tân truy cập vào được website  + Lễ tân đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Lập hóa đơn thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
| 1. Lễ tân chọn mục “Quản lí hóa đơn” | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn |
| 2. Lễ tân chọn mục “Thêm hóa đơn” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thêm hóa đơn mới |
| 3. Lễ tân thao tác nhập thông tin hóa đơn trên giao diện và ấn “Lưu” | 3.1 Thông tin hóa đơn lưu vào hệ thống |
| **Alternatives** | Lễ tân nhập sai hoặc thiếu thông tin hóa đơn => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | |

* Xóa hóa đơn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC15 | |
| **Use Case Name** | Xóa hóa đơn | |
| **Triggering Event** | Lễ tân thực hiện xóa hóa đơn | |
| **Brief Descriptions** | Lễ tân thực hiện xóa hóa đơn khi có sai sót trong hóa đơn | |
| **Actors** | Lễ tân | |
| **Preconditions** | + Lễ tân truy cập vào được website  + Lễ tân đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Xóa hóa đơn thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
| 1. Lễ tân chọn mục “Quản lí hóa đơn” | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn |
| 2. Lễ tân chọn hóa đơn  muốn xóa |  |
| 3. Lễ tân chọn mục “Xóa hóa đơn” | 3.1 Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận xóa |
| 4.a Lễ tân chọn “Có” để xác nhận thao tác xóa.  4.b Lễ tân chọn “Không” nếu muốn hủy thao tác xóa. | 4.a.1 Thông tin khách hàng được xóa khỏi hệ thống.  4.b.1 Thao tác xóa bị hủy |
| **Alternatives** | Không | |

* Cập nhật hóa đơn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC16 | |
| **Use Case Name** | Cập nhật hóa đơn | |
| **Triggering Event** | Lễ thân thực hiện cập nhật hóa đơn | |
| **Brief Description** | Lễ tân thực hiện cập nhật hóa đơn khi có sai sót trong hóa đơn | |
| **Actors** | Lễ tân | |
| **Preconditions** | +Lễ tân truy cập vào được website  +Lễ tân đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Cập nhật hóa đơn thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
| 1. Lễ tân chọn mục “Quản lí hóa đơn” | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn |
| 2. Lễ tân chọn hóa đơn muốn sửa |  |
| 3. Lễ tân chọn mục “Sửa hóa đơn” | 3.1 Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận cập nhật |
| 4.a Lễ tân chọn “Có” để xác nhận thao tác cập nhật và nhập lại thông tin cần cập nhật  4.b Lễ tân chọn “Không” nếu muốn hủy thao tác . | 4.a.1 Thông tin hóa đơn được cập nhật ở hệ thống.  4.b.1 Thao tác cập nhật bị hủy |
| **Alternatives** | Không | |

* Đặt dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC16 | |
| **Use Case Name** | Đặt và huỷ dịch vụ | |
| **Triggering Event** | Khách hàng sử dụng website/app của khách sạn để đăng ký hoặc hủy dịch vụ. | |
| **Brief Description** | + Trong quá đặt phòng khách sạn, khách hàng có thể lựa chọn dịch vụ.  + Sau khi nhận phòng, khách hàng có nhu cầu yêu cầu thêm dịch vụ.  + Khách hàng có thể huỷ dịch vụ nếu có mong muốn | |
| **Actors** | Khách hàng, nhân viên phục vụ, lễ tân | |
| **Flow of activities** | + Khách hàng chọn yêu cầu đặt phòng - chọn đặt dịch vụ.  + Khách hàng chọn huỷ dịch vụ  + Nhân viên phục vụ, lễ tân truy cập thông tin đặt phòng của khách hàng và chọn các dịch vụ hay huỷ dịch vụ được khách hàng yêu cầu. | |
| **Preconditions** | + Đăng nhập thành công vào hệ thống  + Hoàn tất thủ tục nhận phòng | |
| **Postconditions** | Đặt hoặc huỷ dịch vụ thành công, chi phí dịch vụ được cập nhật vào hóa đơn của khách hàng | |
| **Flow of activities** | **Actor** | **System** |
| 1. Đăng nhập vào hệ thống và chọn thuê phòng -> đặt dịch vụ/ huỷ dịch vụ | 1.1. Hiển thị giao diện đặt dịch vụ, các loại hình dịch vụ được khách sạn phục vụ và huỷ dịch vụ. |
| 2. Nếu khách hàng đặt phòng online qua hệ thống. | 2.1 Khách hàng chọn loại dịch vụ cần phục vụ hoặc loại dịch vụ muốn huỷ  2.2 Ghi chú thêm yêu cầu  2.3 Xác nhận đặt/ huỷ dịch vụ hoàn tất, hệ thống cập nhật và tính tiền dịch vụ. |
|  | 3. Nếu khách hàng nhận phòng trực tiếp thành công. | 3.1 Yêu cầu nhân viên/lễ tân được đăng ký thêm dịch vụ hoặc huỷ dịch vụ  3.2 Nhân viên/lễ tân truy cập thông tin đặt phòng của khách hàng và chọn dịch vụ / huỷ dịch vụ khách hàng yêu cầu  3.3 Xác nhận đặt hoặc huỷ dịch vụ hoàn tất.  3.4 Hệ thống cập nhật thông tin và tính tiền dịch vụ. |
| **Alternatives** | Đăng ký phòng online thất bại sẽ không đến được giao diện đặt/ huỷ dịch vụ.  Dịch vụ khách hàng yêu cầu không nằm trong danh sách dịch vụ được phục vụ của khách sạn.  Hệ thống cập nhật sai dịch vụ khách hàng đặt.  Khách hàng chưa đặt dịch vụ nào thì không thể huỷ.  Dịch vụ đã huỷ nhưng hệ thống cập nhật sai. | |

* Quản lý phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC17 | |
| **Use Case Name** | Quản lý phòng | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng quản lý phòng trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Quản lý  thực hiện quản lý phòng thuê sửa thông tin phòng, xóa thông tin phòng. Sau đó hệ thống trả về kết quả quản lý | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Hệ thống lưu lại các chỉnh sửa, thay đổi thông tin nếu có sự thay đổi | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
| 1. Quản lý chọn vào “Quản lý phòng” . | 1.1. Hệ thống chuyển sang giao diện quản lý phòng. |
| 1. Quản lý chọn những chức năng “Sửa thông tin phòng” hay “Xóa thông tin phòng”. | 2.1. Hệ thống hiển thị form phòng với các trường thông tin yêu cầu nhập vào tùy vào lựa chọn của quản lý. |
| 1. Quản lý nhập thông tin phòng và nhấn “Xác nhận”. | 3.1. Hệ thống kiểm tra thông báo cập nhật thành công và lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. |
| **Alternative** | Thông báo không thành công do quản lý không nhấn xác nhận.  Thông báo không thành công  do quản lý không nhập thông tin cần thiết => Yêu cầu nhập lại. | |

* Sửa thông tin phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC18 | |
| **Use Case Name** | Sửa thông tin phòng | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng sửa thông tin phòng trong hệ thống | |
| **Brief Description** | Quản lý thực hiện chức năng sửa thông tin phòng đã có trong hệ thống | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Quản lý chỉnh sửa thông tin phòng thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
| 1. Quản lý chọn mục “Quản lý phòng” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách phòng |
| 1. Quản lý chọn phòng cần chỉnh sửa trong danh sách và nhấn nút “Chỉnh sửa” | 2.1. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin phòng |
| 3 Nhập dữ liệu cần chỉnh sửa và nhấn “Lưu” | 3a. Thông tin sai  3a.1. Hủy thao tác  3b. Thông tin đúng  3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin phòng cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  3b.2. Dữ liệu một phòng sửa vào hệ thống.  3b.3. Thông báo sửa thành công |
| **Alternative** | Thông báo sửa không thành công do quản lý không nhấn lưu.  Quản lý nhập sai hoặc thiếu thông tin cần chỉnh sửa => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | |

* Xóa thông tin phòng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC19 | |
| **Use Case Name** | Xóa thông tin phòng | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng xóa thông tin phòng trong hệ thống | |
| **Brief Description** | Xóa thông tin một phòng đã có trong hệ thống ra khỏi | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Xóa thông tin thành công | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** |
| 1. Quản lý chọn vào “Quản lý phòng” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách phòng |
| 1. Quản lý chọn phòng cần xóa có trong danh sách và nhấn nút “Xóa” | 2.1.  Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận xóa. |
| 3a. Quản lý chọn “Có” để xác nhận thao tác xóa  3b. Quản lý chọn “Không” để xác nhận thao tác xóa | 3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin phòng cần xóa lên cơ sở dữ liệu  3a.2. Thông tin phòng được xóa khỏi hệ thống.  3a.3.  Thông báo xóa thành công  3b.1. Thao tác xóa bị hủy |
| **Alternative** | Không | |

* Quản lý nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC20 | |
| **Use Case Name** | Quản lý nhân viên | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng quản lý nhân viên trong hệ thống . | |
| **Brief Description** | Quản lý  thực hiện quản lý nhân viên lễ tân, kế toán quản lý về mặt nhân sự thêm xóa sửa nhân viên | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Postconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
|  | Hệ thống sẽ lưu lại các chỉnh sửa, thay đổi thông tin nếu có sự thay đổi. | |
| **Flow of activites** | Tác nhân | Hệ thống |
|  | 1. Quản lý chọn “Quản lý nhân viên”. | 1.1. Hệ thống chuyển sang giao diện quản lý nhân viên. |
|  | 1. Quản lý chọn chức năng “Thêm nhân viên”, “Xóa nhân viên” , “Sửa thông tin nhân viên” | 2.1 Hệ thống hiển thị form nhân viên với các trường thông tin yêu cầu nhập vào tùy vào lựa chọn của quản lý. |
|  | 1. Quản lý nhập thông tin dịch vụ chọn “Xác nhận” | 3.1. Hệ thống kiểm tra và lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. |
| **Alternative** | Thông báo không thành công do quản lý không nhấn xác nhận.  Thông báo không thành công  do quản lý không nhập thông tin cần thiết => Yêu cầu nhập lại. | |

* Thêm nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC21 | |
| **Use Case Name** | Thêm nhân viên | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng thêm nhân viên trong hệ thống | |
| **Brief Description** | Quản lý thực hiện chức năng  thêm thông tin nhân viên mới vào hệ thống. Sau đó hệ thống trả về kết quả quản lý | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Thêm nhân viên thành công | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** |
| 1. Quản lý chọn “Quản lý nhân viên”. | 1.1. Hệ thống chuyển sang giao diện quản lý nhân viên. |
| 1. Quản lý chọn chức năng “Thêm nhân viên” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thêm nhân viên |
| 1. Quản lý nhập các thông tin cần thiết và nhấn “Thêm” | 3a. Thông tin sai  3a.1. Hủy thao tác  3b. Thông tin đúng  3b.1. Hệ thống yêu cầu thông tin nhân viên cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  3b.2. Dữ liệu một nhân viên mới được thêm vào hệ thống.  3b.3. Thông báo thêm thành công |
| **Alternatives** | Thông báo không thành công  do quản lý không nhập thông tin cần thiết hoặc sai thông tin => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. | |

* Sửa thông tin nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC22 | |
| **Use Case Name** | Sửa thông tin nhân viên | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng sửa thông tin nhân viên trong hệ thống | |
| **Brief Description** | Quản lý sửa thông tin nhân viên đã có trong hệ thống | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Quản lý chỉnh sửa thông tin nhân viên thành công | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** |
| 1. Quản lý chọn mục “Quản lý nhân viên” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên |
| 1. Quản lý chọn nhân viên cần chỉnh sửa trong danh sách và nhấn nút “Chỉnh sửa” | 2.1. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin nhân viên |
| 1. Nhập dữ liệu cần chỉnh sửa và nhấn “Lưu” | 3a. Thông tin sai  3a.1. Hủy thao tác  3b. Thông tin đúng  3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin nhân viên cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  3b.2. Dữ liệu một nhân viên sửa vào hệ thống.  3b.3. Thông báo sửa thành công |
| **Alternatives** | Thông báo sửa không thành công do quản lý không nhấn lưu.  Quản lý nhập sai hoặc thiếu thông tin cần chỉnh sửa => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | |

* Xóa thông tin nhân viên

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC23 | |
| **Use Case Name** | Xóa thông tin nhân viên | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng xóa thông tin nhân viên trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Xóa thông tin một nhân viên đã có trong hệ thống ra khỏi | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Xóa nhân viên thành công | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** |
| 1. Quản lý chọn vào “Quản lý nhân viên” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên |
| 1. Quản lý chọn nhân viên cần xóa có trong danh sách và nhấn nút “Xóa” | 2.1.  Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận xóa. |
| 3a. Quản lý chọn “Có” để xác nhận thao tác xóa  3b. Quản lý chọn “Không” để xác nhận thao tác xóa | 3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin nhân viên cần xóa lên cơ sở dữ liệu  3a.2. Thông tin nhân viên được xóa khỏi hệ thống.  3a.3.  Thông báo xóa thành công  3b.1. Thao tác xóa bị hủy |
| **Alternatives** | Không | |

* Quản lý dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC24 | |
| **Use Case Name** | Quản lý dịch vụ | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng quản lý dịch vụ trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Quản lý thực hiện chức năng quản lý dịch vụ. Sau đó hệ thống trả về kết quả quản lý | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Hệ thống sẽ lưu lại các chỉnh sửa, thay đổi thông tin nếu có sự thay đổi. | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** |
| 1. Quản lý chọn “Quản lý dịch vụ”. | 1.1. Hệ thống chuyển sang giao diện quản lý dịch vụ. |
| 1. Quản lý chọn chức năng “Thêm dịch vụ”, “Xóa dịch vụ” , “Sửa thông tin dịch vụ” | 2.1 Hệ thống hiển thị form dịch vụ với các trường thông tin yêu cầu nhập vào tùy vào lựa chọn của quản lý. |
| 1. Quản lý nhập thông tin dịch vụ chọn “Xác nhận” | 3.1. Hệ thống kiểm tra và lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. |
| **Alternatives** | Thông báo không thành công do quản lý không nhấn xác nhận.  Thông báo không thành công  do quản lý không nhập thông tin cần thiết => Yêu cầu nhập lại. | |

* Thêm dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC25 | |
| **Use Case Name** | Thêm dịch vụ | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng thêm dịch vụ trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Quản lý thực hiện chức năng  thêm thông tin dịch vụ mới vào hệ thống. Sau đó hệ thống trả về kết quả quản lý | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Thêm nhân viên thành công | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** |
| 1. Quản lý chọn “Quản lý dịch vụ”. | 1.1. Hệ thống chuyển sang giao diện quản lý dịch vụ. |
| 1. Quản lý chọn chức năng “Thêm dịch vụ” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thêm dịch vụ |
| 3. Quản lý nhập các thông tin cần thiết và nhấn “Thêm” | 3a. Thông tin sai  3a.1. Hủy thao tác  3b. Thông tin đúng  3b.1. Hệ thống yêu cầu thông tin dịch vụ cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  3b.2. Dữ liệu một dịch vụ mới được thêm vào hệ thống.  3b.3. Thông báo thêm thành công |
| **Alternatives** | Thông báo không thành công  do quản lý không nhập thông tin cần thiết hoặc sai thông tin => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. | |

* Sửa thông tin dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC26 | |
| **Use Case Name** | Sửa thông tin dịch vụ | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng sửa thông tin dịch vụ trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Quản lý sửa thông tin dịch vụ đã có trong hệ thống | | |
| **Actors** | Quản lý | | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Postconditions** | Quản lý chỉnh sửa thông tin dịch vụ thành công | | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** | |
|  | 1. Quản lý chọn mục “Quản lý dịch vụ” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách dịch vụ | |
|  | 1. Quản lý chọn dịch vụ cần chỉnh sửa trong danh sách và nhấn nút “Chỉnh sửa” | 2.1. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin dịch vụ | |
|  | 1. Nhập dữ liệu cần chỉnh sửa và nhấn “Lưu” | 3a. Thông tin sai  3a.1. Hủy thao tác  3b. Thông tin đúng  3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin dịch vụ cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  3b.2. Dữ liệu một dịch vụ sửa vào hệ thống.  3b.3. Thông báo sửa thành công | |
| **Alternatives** | Thông báo sửa không thành công do quản lý không nhấn lưu.  Quản lý nhập sai hoặc thiếu thông tin cần chỉnh sửa => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | | |

* Xóa thông tin dịch vụ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC27 | |
| **Use Case Name** | Xóa thông tin dịch vụ | |
| **Triggering Event** | Xóa thông tin dịch vụ | |
| **Brief Descriptions** | Khi quản lý thực hiện chức năng xóa thông tin dịch vụ trong hệ thống | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Xóa dịch vụ thành công | |
| **Flow of activites** | **Actors** | **System** |
|  | 1. Quản lý chọn vào “Quản lý dịch vụ” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách dịch vụ |
|  | 1. Quản lý chọn dịch vụ cần xóa có trong danh sách và nhấn nút “Xóa” | 2.1.  Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận xóa. |
|  | 3a. Quản lý chọn “Có” để xác nhận thao tác xóa  3b. Quản lý chọn “Không” để xác nhận thao tác xóa | 3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin dịch vụ cần xóa lên cơ sở dữ liệu  3a.2. Thông tin dịch vụ được xóa khỏi hệ thống.  3a.3.  Thông báo xóa thành công  3b.1. Thao tác xóa bị hủy |
| **Alternatives** | Không | |

* Quản lý khách hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC28 | |
| **Use Case Name** | Quản lý khách hàng | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng quản lý khách hàng trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Quản lý thực hiện chức năng quản lý khách hàng. Sau đó hệ thống trả về kết quả quản lý | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Hệ thống sẽ lưu lại các chỉnh sửa, thay đổi thông tin nếu có sự thay đổi. | |
| **Flow of activites** | Tác nhân | Hệ thống |
|  | 1. Quản lý chọn “Quản lý khách hàng”. | 1.1. Hệ thống chuyển sang giao diện quản lý khách hàng. |
|  | 1. Quản lý chọn chức năng “Thêm khách hàng”, “Xóa khách hàng” , “Sửa thông tin khách hàng” | 2.1 Hệ thống hiển thị form khách hàng với các trường thông tin yêu cầu nhập vào tùy vào lựa chọn của quản lý. |
|  | 1. Quản lý nhập thông tin khách hàng chọn “Xác nhận” | 3.1. Hệ thống kiểm tra và lưu thông tin vào cơ sở dữ liệu. |
| **Alternatives** | Thông báo không thành công do quản lý không nhấn xác nhận.  Thông báo không thành công  do quản lý không nhập thông tin cần thiết => Yêu cầu nhập lại. | |

* Thêm khách hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC29 | |
| **Use Case Name** | Thêm khách hàng | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng thêm khách hàng trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Quản lý thực hiện chức năng  thêm thông tin khách hàng mới vào hệ thống. Sau đó hệ thống trả về kết quả quản lý | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Thêm khách hàng thành công | |
| **Flow of activites** | Tác nhân | Hệ thống |
|  | 1. Quản lý chọn “Quản lý khách hàng”. | 1.1. Hệ thống chuyển sang giao diện quản lý khách hàng. |
|  | 1. Quản lý chọn chức năng “Thêm khách hàng” | 2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thêm khách hàng |
|  | 1. Quản lý nhập các thông tin cần thiết và nhấn “Thêm” | 3a. Thông tin sai  3a.1. Hủy thao tác  3b. Thông tin đúng  3b.1. Hệ thống yêu cầu thông tin khách hàng cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  3b.2. Dữ liệu một khách hàng mới được thêm vào hệ thống.  3b.3. Thông báo thêm thành công |
| **Alternatives** | Thông báo không thành công  do quản lý không nhập thông tin cần thiết hoặc sai thông tin => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. | |

* Sửa thông tin khách hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC30 | |
| **Use Case Name** | Sửa thông tin khách hàng | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng sửa thông tin khách hàng trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Quản lý sửa thông tin khách hàng đã có trong hệ thống | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Quản lý chỉnh sửa thông tin khách hàng thành công | |
| **Flow of activites** | Tác nhân | Hệ thống |
|  | 1. Quản lý chọn mục “Quản lý khách hàng” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng |
|  | 1. Quản lý chọn khách hàng cần chỉnh sửa trong danh sách và nhấn nút “Chỉnh sửa” | 2.1. Hệ thống hiển thị giao diện chỉnh sửa thông tin khách hàng |
|  | 1. Nhập dữ liệu cần chỉnh sửa và nhấn “Lưu” | 3a. Thông tin sai  3a.1. Hủy thao tác  3b. Thông tin đúng  3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin khách hàng cần thêm lên cơ sở dữ liệu.  3b.2. Dữ liệu một khách hàng sửa vào hệ thống.  3b.3. Thông báo sửa thành công |
| **Alternatives** | Thông báo sửa không thành công do quản lý không nhấn lưu.  Quản lý nhập sai hoặc thiếu thông tin cần chỉnh sửa => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | |

* Xóa thông tin khách hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC31 | |
| **Use Case Name** | Xóa thông tin khách hàng | |
| **Triggering Event** | Khi quản lý thực hiện chức năng xóa thông tin khách hàng trong hệ thống | |
| **Brief Descriptions** | Xóa thông tin một khách hàng đã có trong hệ thống ra khỏi | |
| **Actors** | Quản lý | |
| **Preconditions** | Quản lý truy cập vào hệ thống  Quản lý đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Xóa khách hàng thành công | |
| **Flow of activites** | Tác nhân | Hệ thống |
|  | 1. Quản lý chọn vào “Quản lý khách hàng” | 1.1. Hệ thống hiển thị danh sách khách hàng |
|  | 1. Quản lý chọn khách hàng cần xóa có trong danh sách và nhấn nút “Xóa” | 2.1.  Hệ thống hiển thị cảnh báo xác nhận xóa. |
|  | 3a. Quản lý chọn “Có” để xác nhận thao tác xóa  3b. Quản lý chọn “Không” để xác nhận thao tác xóa | 3a.1. Hệ thống yêu cầu thông tin khách hàng cần xóa lên cơ sở dữ liệu  3a.2. Thông tin khách hàng được xóa khỏi hệ thống.  3a.3.  Thông báo xóa thành công  3b.1. Thao tác xóa bị hủy |
| **Alternatives** | Không | |

* Tìm hóa đơn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case ID** | UC32 | |
| **Use Case Name** | Tìm hóa đơn | |
| **Triggering Event** | Tìm hóa đơn đã xuất theo mã hóa đơn | |
| **Brief Descriptions** | Tìm được chi tiết thông tin hóa đơn cần tìm | |
| **Actors** | Lễ tân | |
| **Preconditions** | +Lễ tân truy cập vào được website  +Lễ tân đã đăng nhập vào hệ thống | |
| **Postconditions** | Tìm hóa đơn thành công | |
| **Flow of activites** | **Actor** | **System** |
|  | 1. Lễ tân chọn mục “Quản lý hóa đơn” | 1.1 Hệ thống hiển thị danh sách hóa đơn |
|  | 2. Quản lý chọn hóa đơn cần tìm hoặc nhập mã số hóa đơn vào thanh tìm kiếm | 2.1 Hệ thống hiển thị hóa đơn cần tìm |
| **Alternatives** | Mã hóa đơn không tồn tại => Hệ thống báo không tồn tại | |